

Họ tên người bệnh: Năm sinh:   
Chẩn đoán: Giới tính:   
Cân nặng vào viện: kg   
Chiều cao: cm   
Cân nặng cách đây 1 tháng: kg   
Lượng ăn giảm trong tuần qua: % Chỉ số khối cơ thể (BMI):

1. Sàng lọc nguy cơ suy dinh dưỡng:

MH	Yếu tố nguy cơ	Không	Có
1	BMI < 20.5 kg/m <sup>2</sup>	( )	( )
2	Sụt cân trong 1 tháng qua	( )	( )
3	Lượng ăn sụt giảm trong tuần qua	( )	( )
4	Bệnh nặng hạn chế đi lại	( )	( )
5	<b>Kết luận: nguy cơ suy dinh dưỡng</b> (Khi có bất kỳ yếu tố nguy cơ nào nêu trên)	( )	( )
6	<b>Chỉ định</b>	( ) Tái sàng lọc sau 1 tuần	( ) Đánh giá tình trạng dinh dưỡng

2. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng:

1	Chỉ số khối cơ thể (BMI)	≥ 20.5 kg/m <sup>2</sup>	( )	0 điểm
		18.5 – 20.4 kg/m <sup>2</sup>	( )	1 điểm
		< 18.5 kg/m <sup>2</sup>	( )	2 điểm
2	Sụt cân	Không sụt cân	( )	0 điểm
		5% - 9.9% trong 1 tháng qua	( )	1 điểm
		≥ 10% trong 1 tháng qua	( )	2 điểm
3	Lượng ăn	Không giảm hoặc giảm nhẹ	( )	0 điểm
		Giảm ≥ 50% trong tuần qua	( )	1 điểm
		Giảm ≥ 75% trong tuần qua	( )	2 điểm
4	Bệnh lý	Bệnh nhẹ - trung bình	( )	0 điểm
		Bệnh nặng (vd đại phẫu, TBMMN, nhiễm trùng nặng, ung thư)	( )	1 điểm
		Bệnh rất nặng (vd chấn thương nặng, chăm sóc tích cực)	( )	2 điểm
5	<b>Kết luận</b>	< 2 điểm	( )	Bình thường
		≥ 2 điểm	( )	Suy dinh dưỡng

3. Kế hoạch can thiệp:

Chỉ định chế độ ăn	Mã số:	
Đường nuôi ăn	Đường miệng	
	Ống thông	
	Tĩnh mạch	
Tái đánh giá	Sau 7 ngày (ở người bệnh không suy dinh dưỡng)	
	Sau 3 ngày (ở người bệnh suy dinh dưỡng)	
	Ngày tái đánh giá	
Mời hội chẩn dinh dưỡng	Có	
	Không	

Ngày.....tháng.....năm.....

BÁC SĨ KHÁM BỆNH

